

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm, tương đồng với diễn biến tích cực thị trường chứng khoán châu Á sau khi Hạ viện Mỹ đã thông qua dự luật cứu trợ Covid-19 trị giá 1.900 tỷ USD

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tăng điểm nhờ tâm lý tích cực của NĐT toàn cầu sau khi gói hỗ trợ 1.9 nghìn tỷ USD của Mỹ được thông qua

[Thông tin doanh nghiệp]

POW, TCM

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn và có thể chốt lời quay vòng ngắn 1 phần vị thế ngắn hạn đã tích lũy khi chỉ số test lại vùng đỉnh cũ

11/03/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,181.73	+1.00
VN30	1,188.71	+1.40
HĐTL VN30F1M	1,191.30	+1.05
HNXIndex	273.52	+2.40
HNX30	396.80	+2.07
UPCoM	80.34	+0.12
USD/VND	23,051	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.36	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.28	+11
Dầu (WTI, \$)	65.08	+0.99
Vàng (LME, \$)	1,738.44	+0.68



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,181.73 (+1.00%)
KLGD (triệu CP) 629.1 (+15.0%)
GTGD (triệu US\$) 655.5 (-15.7%)

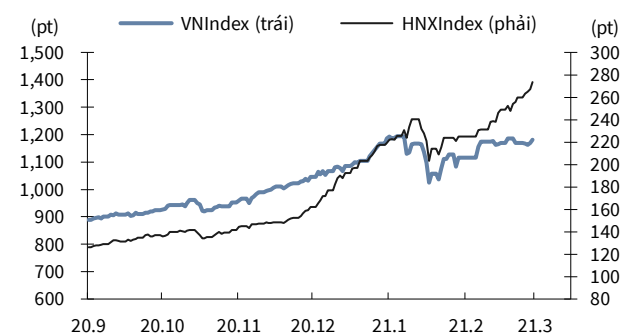
HNXIndex 273.52 (+2.40%)
KLGD (triệu CP) 160.1 (-1.8%)
GTGD (triệu US\$) 111.6 (+15.7%)

UPCoM 80.34 (+0.12%)
KLGD (triệu CP) 58.9 (+1.5%)
GTGD (triệu US\$) 40.8 (+2.7%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -13.9

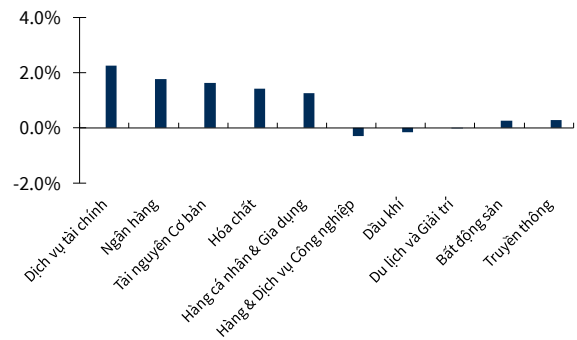
TTCK Việt Nam tăng điểm, tương đồng với diễn biến tích cực thị trường chứng khoán châu Á sau khi Hạ viện Mỹ đã thông qua dự luật cứu trợ Covid-19 trị giá 1.900 tỷ USD, một trong những biện pháp kích thích kinh tế lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ. Theo báo cáo HSBC, lạm phát không phải vấn đề đáng lo ngại của Việt Nam năm 2021, tỷ giá và lãi suất sẽ ổn định giúp cổ phiếu nhóm ngân hàng tăng giá như VPB (+4.2%), STB (+3.2%), BID (+3.1%). Cổ phiếu cảng biển tăng giá ở SGP (+0.6%), GMD (+0.3%) trước thông tin UBND tỉnh BR-VT đẩy nhanh 7 dự án kết nối cảng Cái Mép - Thị Vải. Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam, dự báo quý 1/2021, giá trị xuất khẩu tôm sang EU tiếp tục tăng trưởng dương hai con số nhờ sự phục hồi của nhiều nền kinh tế, trong đó nhu cầu tiêu thụ của một số thị trường ở Bắc Âu cũng đã tăng trưởng mạnh so với năm 2020 tác động tích cực đến cổ phiếu ngành thủy sản MPC (+4.4%), FMC (+1.2%). Khối ngoại bán ròng ở VNM (+1,7%), HPG (+1.8%), VCB (+0.8%).

VNIndex & HNXIndex



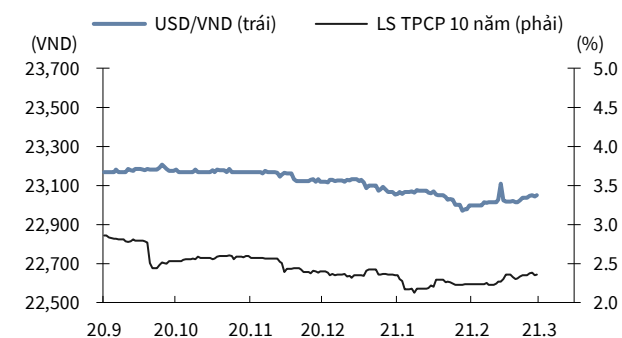
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



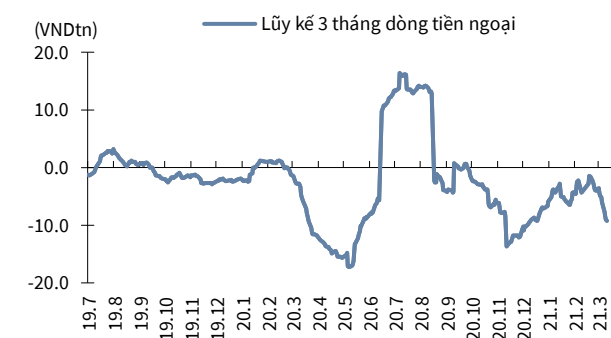
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



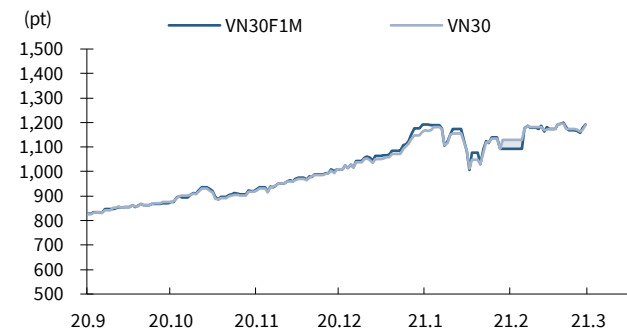
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,188.71 (+1.40%)
VN30F1M	1,191.3 (+1.05%)
Mở cửa	1,185.0
Cao nhất	1,194.3
Thấp nhất	1,184.1
KLGD (HĐ)	127,506 (-28.0%)

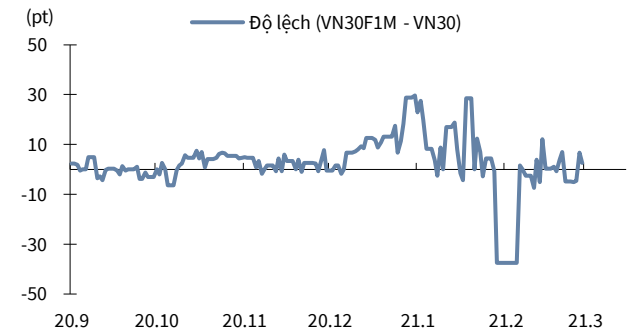
HĐTL tăng điểm nhờ tâm lý tích cực của NĐT toàn cầu sau khi gói hỗ trợ 1.9 nghìn tỷ USD của Mỹ được thông qua. Chênh lệch F2103 và VN30 mở cửa ở mức 12.24 và giao động trong biên độ -2.25 và 6.12, đóng cửa ở mức 2.59. NĐTNN mua ròng mạnh trong phiên hôm nay và thanh khoản thị trường giảm nhẹ.

HĐTL VN30F1M & VN30



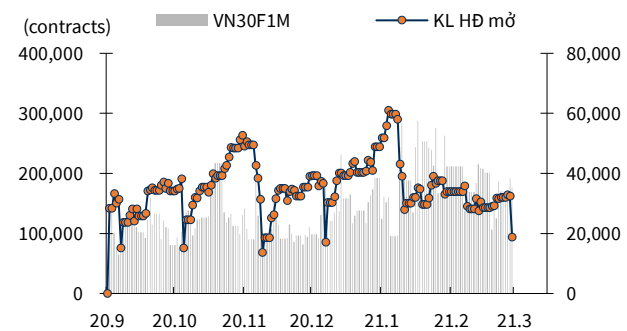
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



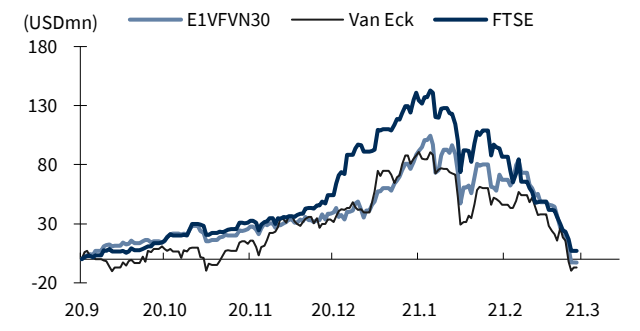
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

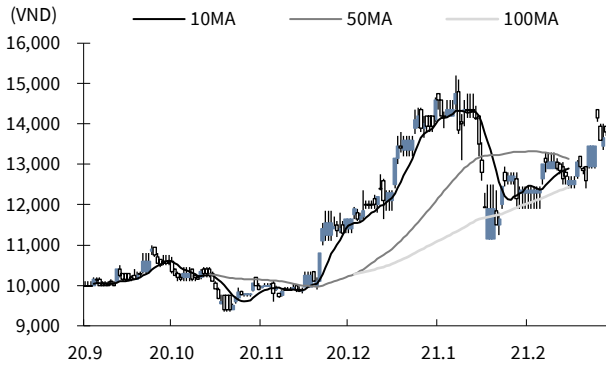
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVM)

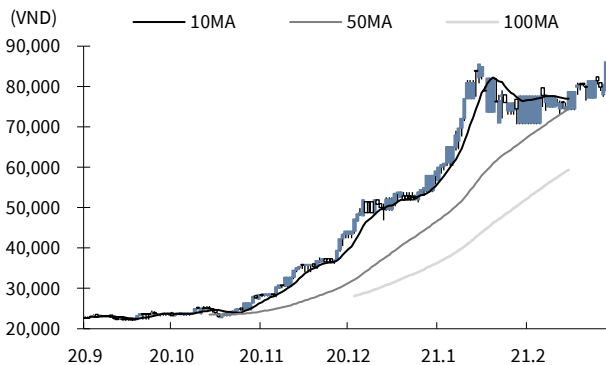


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- POW tăng 1.1% lên 13,800 VNĐ/cp.

- HĐQT Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam đã thông qua bán toàn bộ hơn 19.9 triệu cổ phiếu, tương đương 51.58% vốn PV Machino với giá khởi điểm là 21,500 đồng/cp thông qua giao dịch khớp lệnh, thời gian thực hiện quý I và II. Theo đó, PV Power dự thu 430 tỷ đồng.

Công ty Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công (TCM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

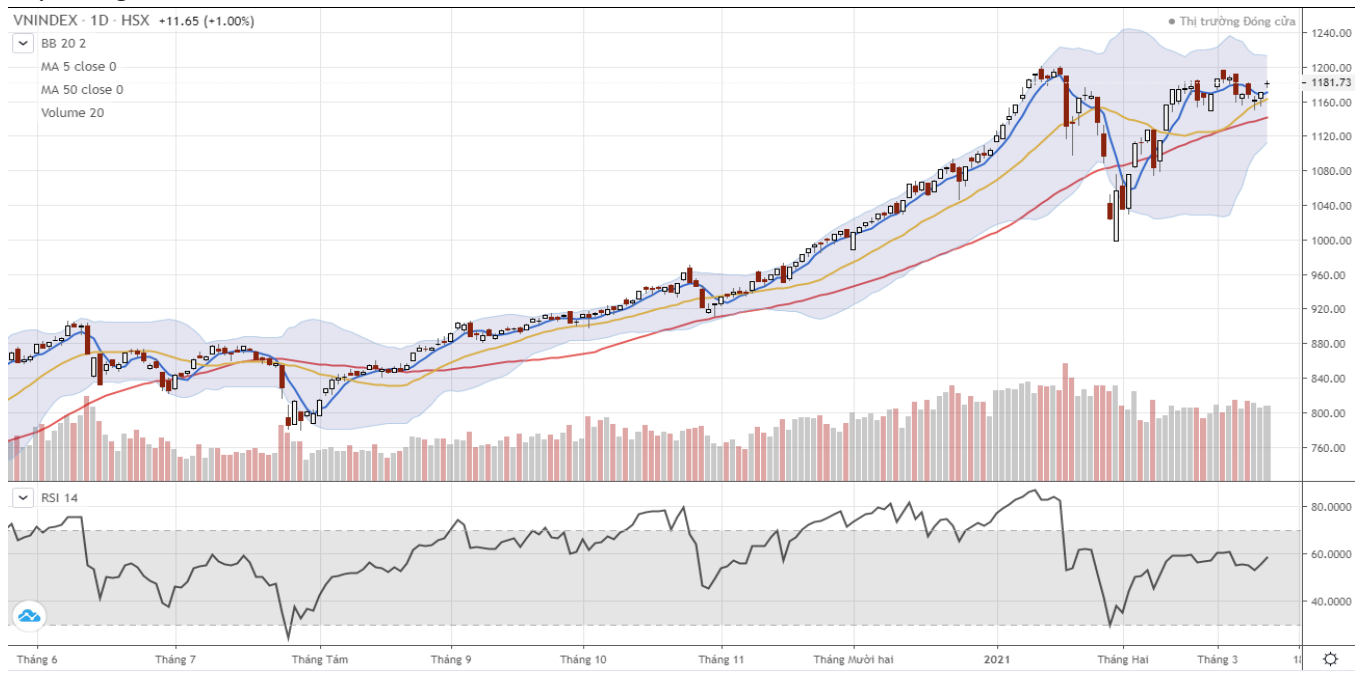
- TCM tăng 7% lên 86,100 VNĐ/cp.

- TCM công bố Nghị quyết HĐQT thông qua chỉ tiêu kinh doanh năm 2021 với lợi nhuận ròng 290 tỷ đồng (+5% YoY) và doanh thu thuần 4,218 tỷ đồng (+22% YoY).
- Trong tháng 1/2021, TCM ghi nhận lợi nhuận 35 tỷ đồng (+162% YoY) và doanh thu 356 tỷ đồng (+80% YoY) một phần là do tháng 1/2020 trùng với dịp nghỉ Tết âm lịch.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

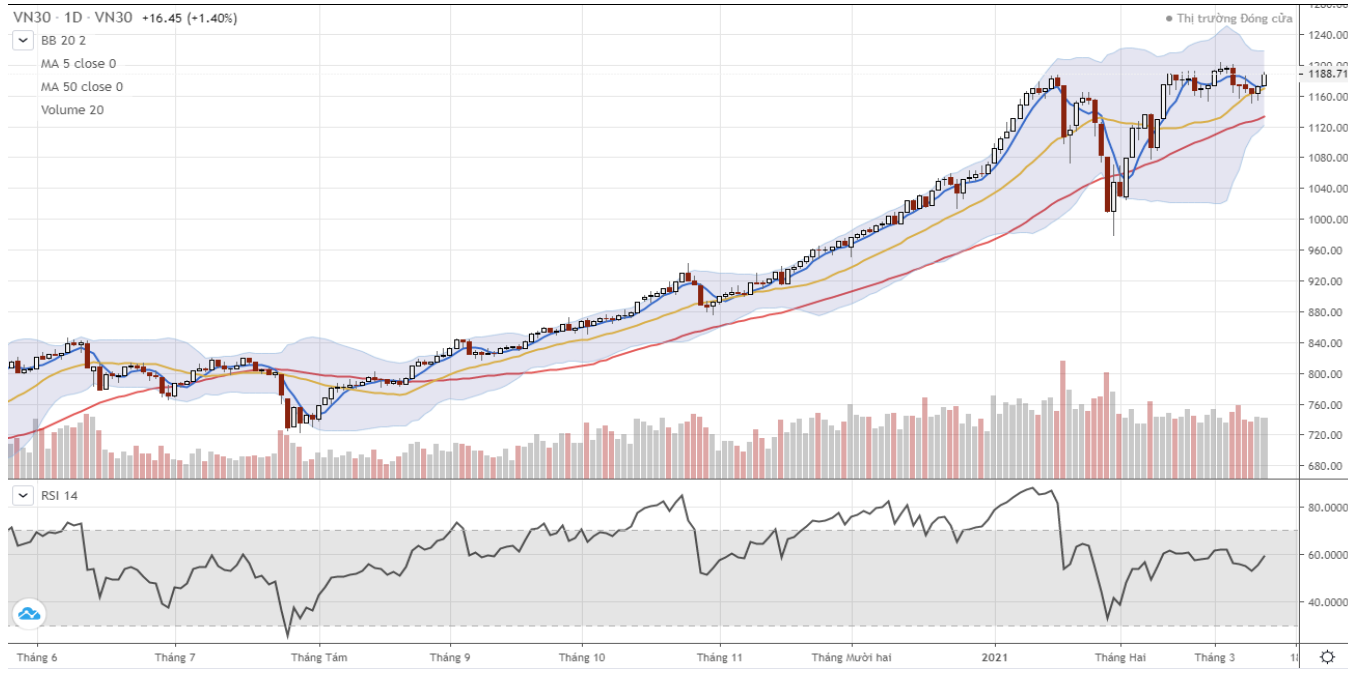
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến khởi sắc đầu phiên và diễn biến giằng co vào cuối phiên.
- Việc chớm vượt qua vùng cản gần 1176 - 1181 mở ra cơ hội thử thách vùng đỉnh cũ quanh 1200 trong những phiên tới. Với xu hướng tăng vẫn đang đóng vai trò chủ đạo, cơ hội vượt đỉnh vẫn đang hiệu hữu nhưng chúng tôi lưu ý tới các nhịp rung lắc mạnh hơn khi chỉ số tiến gần tới đỉnh cũ.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn và có thể chốt lời quay vòng ngắn 1 phần vị thế ngắn hạn đã tích lũy khi chỉ số test lại vùng đỉnh cũ.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1210 - 1215

Kháng cự gần: 1197 - 1200

Hỗ trợ gần: 1185 - 1187

Hỗ trợ xa: 1178 - 1181

- F1 mở gap tăng đầu phiên và diễn biến tăng dần về cuối phiên.
- Việc chồm vượt qua vùng cản gần 1182 - 1187 mở ra cơ hội thử thách vùng đỉnh cũ quanh 1200 trong những phiên tới. Với xu hướng tăng vẫn đang đóng vai trò chủ đạo, cơ hội vượt đỉnh vẫn đang hiệu hữu nhưng chúng tôi lưu ý tới các nhịp rung lắc mạnh hơn khi chỉ số tiến gần tới đỉnh cũ.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Giao dịch linh hoạt 2 chiều, mở vị thế LONG tại các vùng hỗ trợ và mở vị thế SHORT khi chỉ số tiến tới gần đỉnh cũ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế LONG đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

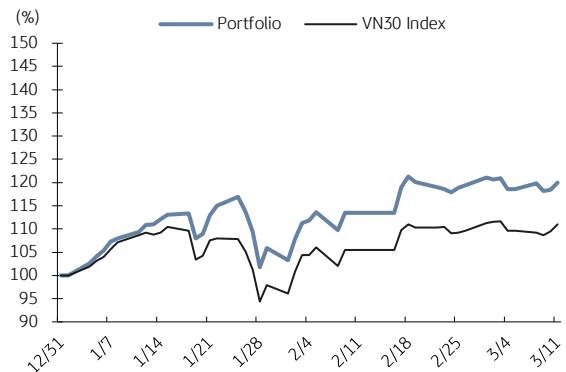
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.40%	1.25%
Tăng lũy kế (YTD)	11.01%	19.92%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 11/03/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	132,500	1.5%	14.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	35,500	2.0%	45.2%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	84,000	0.5%	9.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	28,250	1.1%	66.2%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	55,500	1.1%	63.2%	- Mạng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	76,700	0.5%	129.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	38,200	1.7%	56.6%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	92,700	0.8%	26.3%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	46,400	1.8%	137.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	39,000	1.6%	184.7%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	2.0%	100.0%	122.5
MBB	1.1%	23.1%	33.4
KBC	1.6%	21.5%	22.8
PDR	3.9%	1.3%	18.0
DHC	1.9%	29.4%	12.7

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	1.7%	57.0%	-117.5
HPG	1.8%	30.6%	-43.7
VCB	0.8%	23.6%	-40.4
MSN	0.3%	32.4%	-39.4
VHM	0.1%	22.4%	-36.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
BAX	-1.9%	8.7%	0.3
DTD	4.1%	0.1%	0.7
DP3	1.9%	1.5%	0.6
CEO	1.7%	15.8%	0.5
PVC	-0.9%	9.8%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	2.9%	9.2%	-13.2
VCS	1.3%	3.6%	-2.4
BVS	0.9%	11.7%	-1.9
PVS	2.5%	9.5%	-0.4
INN	2.3%	5.9%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	3.8%	TCH, DRC
Dịch vụ tài chính	3.7%	VCI, HCM
Hàng cá nhân & Gia dụng	3.3%	TCM, LIX
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3.1%	GAS, POW
Hóa chất	2.7%	GVR, AAA

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	-3.4%	PLX, PVD
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.0%	LGC, AST
Thực phẩm và đồ uống	-0.2%	MSN, SAB
Du lịch và Giải trí	-0.1%	RIC, VJC
Bất động sản	0.5%	VIC, VRE

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	20.9%	GVR, DGC
Tài nguyên Cơ bản	13.4%	HPG, HSG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.2%	GAS, POW
Dịch vụ tài chính	10.9%	HCM, SSI
Du lịch và Giải trí	9.6%	HVN, VJC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thực phẩm và đồ uống	-0.9%	VNM, SAB
Truyền thông	1.6%	ADG, PNC
Bảo hiểm	2.3%	PGI, BMI
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.2%	LGC, REE
Bất động sản	3.3%	VIC, VRE

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm)	GTGD (VNDtriệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	105,900	358,199 (15,539)	131,210 (5.7)	22.7	46.4	34.7	11.1	8.7	11.3	3.8	3.4	-0.1	-0.9	-0.3	-2.1
	VHM	VINHOMES JSC	100,000	328,951 (14,271)	278,076 (12.1)	26.6	10.7	9.0	37.1	30.5	28.2	2.9	2.2	0.1	0.0	3.3	11.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,350	78,054 (3,386)	165,267 (7.2)	18.0	26.8	20.7	-7.6	9.6	11.4	2.4	2.2	0.6	-0.6	8.9	9.4
	NVL	NO VA LAND INVES	82,900	88,202 (3,826)	177,703 (7.7)	31.6	22.0	20.4	6.7	10.4	9.4	2.7	2.3	0.5	2.9	4.9	27.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,550	17,630 (765)	50,281 (2.2)	13.1	14.4	10.9	17.7	15.5	17.6	2.0	1.7	-0.5	-1.3	-1.1	7.7
	DXG	DAT XANH GROUP	24,150	12,517 (543)	195,830 (8.5)	15.4	10.1	9.0	-	19.0	18.4	1.7	1.4	-0.6	6.9	5.2	51.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	96,300	357,165 (15,495)	132,188 (5.7)	6.4	17.1	13.7	17.8	20.5	21.6	3.0	2.6	0.8	-1.0	-0.9	-1.6
	BID	BANK FOR INVESTM	43,300	174,153 (7,555)	78,187 (3.4)	12.7	17.9	11.8	-5.3	13.2	16.9	2.0	1.8	3.1	1.3	6.1	-9.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	40,150	140,722 (6,105)	553,690 (24.0)	0.0	9.5	8.3	14.4	18.2	17.6	1.6	1.3	2.2	2.8	11.5	27.5
	CTG	VIETNAM JS COMM	38,200	142,234 (6,170)	372,802 (16.2)	2.0	8.6	8.0	61.0	18.1	17.1	1.4	1.3	1.7	-0.3	7.9	10.6
	VPB	VIETNAM PROSPERI	43,750	107,395 (4,659)	243,164 (10.6)	0.0	8.9	7.5	18.8	20.4	19.9	1.7	1.3	4.2	5.4	13.6	34.6
	MBB	MILITARY COMMERC	28,250	79,065 (3,430)	540,552 (23.5)	0.1	7.8	6.5	14.6	20.1	20.1	1.4	1.2	1.1	4.1	14.1	24.0
	HDB	HDBANK	26,400	42,075 (1,825)	113,792 (4.9)	4.5	8.2	6.8	23.4	19.5	18.7	-	-	1.1	0.8	9.5	11.2
	STB	SACOMBANK	19,300	34,811 (1,510)	415,728 (18.1)	14.3	13.3	8.0	32.4	9.1	13.5	1.2	1.0	3.2	5.2	6.3	14.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	28,600	29,505 (1,280)	112,425 (4.9)	0.0	7.6	5.4	37.5	23.3	24.1	1.4	1.2	0.5	-0.2	6.5	6.7
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,400	22,622 (981)	7,409 (0.3)	0.2	37.9	36.7	27.3	3.6	3.6	1.3	1.3	0.0	-1.1	3.4	-4.4	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	60,500	44,911 (1,948)	41,112 (1.8)	21.2	27.6	22.1	15.2	8.2	9.5	2.1	2.0	1.5	0.8	1.0	-8.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	27,400	2,503 (109)	9,172 (0.4)	14.3	13.5	11.8	8.4	9.3	10.2	1.1	1.0	-0.4	5.4	7.5	-10.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,950	20,337 (882)	439,866 (19.1)	57.0	14.2	14.2	0.0	13.5	12.8	-	-	2.6	1.5	6.9	2.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	59,200	9,804 (425)	55,419 (2.4)	73.2	12.7	-	-4.0	17.9	-	-	-	3.1	10.7	11.9	1.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	32,600	9,944 (431)	146,867 (6.4)	53.4	18.8	-	-19.0	12.1	-	-	-	1.7	7.6	15.6	3.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	29,800	6,255 (271)	134,820 (5.9)	28.8	-	-	36.7	-	-	-	-	3.8	7.6	10.0	-0.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	102,800	214,847 (9,321)	318,263 (13.8)	43.0	19.7	18.1	4.0	36.9	36.6	6.3	5.6	1.7	-0.6	-4.8	-5.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	176,000	112,865 (4,896)	26,570 (1.2)	36.9	21.3	18.7	7.3	25.5	26.2	4.8	4.5	1.6	-1.1	-2.3	-9.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	87,300	102,550 (4,449)	118,029 (5.1)	16.6	41.1	22.1	-51.9	14.6	20.9	5.0	4.1	0.3	-1.2	-1.6	-1.8
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (599)	96,613 (4.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.4	8.3	11.7	-14.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	136,100	71,294 (3,093)	87,351 (3.8)	10.7	65.9	23.3	-88.3	7.6	18.8	4.3	3.5	0.4	-0.5	5.5	8.9
	GMD	GEMADEPT CORP	32,200	9,704 (421)	78,291 (3.4)	10.5	20.2	15.9	-57.3	7.9	10.3	1.5	1.5	0.3	-0.3	5.2	-1.2
	CII	HO CHI MINH CITY	23,900	5,708 (248)	59,331 (2.6)	38.8	17.2	6.1	78.0	7.3	16.8	-	-	1.9	7.7	11.9	11.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,500	1,987 (86)	48,622 (2.1)	46.7	-	-	-89.3	-	-	-	-	-1.4	1.4	0.0	38.3
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	22,950	11,061 (480)	125,229 (5.4)	38.3	20.1	10.6	-13.8	9.9	14.7	-	-	0.0	0.0	13.3	2.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	78,000	5,794 (251)	64,277 (2.8)	3.7	11.2	10.7	-43.9	6.5	6.7	0.7	0.7	-0.3	7.0	13.0	0.4
	REE	REE	55,500	17,152 (744)	55,431 (2.4)	0.0	9.6	8.0	-4.5	14.7	15.3	1.4	1.2	1.1	0.0	-2.6	13.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm)	GTGD (VNDtriệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	92,700	177,423 (7,697)	112,185 (4.9)	46.2	17.7	16.9	-18.6	19.8	20.5	3.5	3.5	0.8	2.0	14.0	7.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,450	6,751 (293)	19,181 (0.8)	32.7	13.8	10.3	-10.5	11.9	15.9	1.6	1.6	2.0	2.9	3.8	-4.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	27,750	8,897 (386)	14,258 (0.6)	34.3	12.1	11.6	-5.1	11.2	12.4	1.4	1.4	-0.5	0.2	7.6	13.5
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	46,400	153,736 (6,669)	994,913 (43.2)	18.4	9.2	8.3	25.2	25.9	23.3	2.1	1.7	1.8	1.1	11.0	11.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	19,200	7,514 (326)	51,738 (2.2)	35.9	11.5	12.4	0.2	8.6	8.2	0.9	0.9	0.5	2.7	20.4	2.1
	DCM	PETRO CA MAU FER	16,850	8,920 (387)	73,091 (3.2)	45.9	19.9	21.8	-4.3	7.8	7.1	1.4	1.4	-0.3	3.1	34.8	20.4
	HSG	HOA SEN GROUP	28,450	12,640 (548)	272,258 (11.8)	40.4	8.8	7.9	67.9	21.1	19.9	1.7	1.5	1.2	2.7	18.5	28.4
	AAA	AN PHÁT BIOPLAST	16,200	3,593 (156)	47,519 (2.1)	97.3	10.6	9.5	21.9	10.3	11.0	0.9	0.9	3.2	13.3	24.6	12.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	55,600	67,766 (2,940)	167,241 (7.3)	4.0	20.9	17.0	-49.7	15.9	17.2	2.9	2.8	-0.4	-3.8	4.9	1.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	24,150	10,170 (441)	308,906 (13.4)	41.1	37.4	23.2	-11.9	2.0	3.0	0.7	0.7	1.3	-0.2	13.9	49.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	18,200	5,890 (256)	98,963 (4.3)	36.3	9.8	9.0	-0.1	12.6	13.2	1.2	1.1	0.0	1.7	11.0	30.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	132,500	61,761 (2,679)	142,729 (6.2)	0.0	12.4	9.7	13.7	28.4	28.7	3.0	2.6	1.5	-0.2	2.3	11.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	84,000	19,099 (829)	42,858 (1.9)	0.0	15.3	12.2	7.0	23.2	24.7	3.2	2.5	0.5	0.2	0.5	3.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,200	1,257 (055)	1,150 (0.0)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.0	0.5	1.5	-12.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,900	2,283 (099)	41,185 (1.8)	32.4	15.5	13.0	-75.2	10.2	14.1	-	-	2.5	4.0	9.9	-9.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	62,500	8,469 (367)	59,779 (2.6)	34.6	10.3	10.3	41.2	26.4	23.4	2.5	2.6	-0.5	-1.7	8.1	-0.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	101,500	13,271 (576)	1,241 (0.1)	45.4	17.4	16.6	10.7	21.2	20.5	3.4	3.1	1.5	1.6	0.5	-2.4
	PME	PYMEPHARCO JSC	77,500	5,813 (252)	140 (0.0)	10.4	-	-	1.7	-	-	-	-	0.6	0.6	2.0	1.3
IT	FPT	FPT CORP	76,700	60,126 (2,608)	185,987 (8.1)	0.0	15.2	13.1	15.6	25.1	25.8	3.4	3.0	0.5	1.1	2.8	29.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.